TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/DS-ST
Ngày: 27/6/2025.
V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Trọng Tâm

2. Ông Lê Văn Tập.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.*

Ngày 27/6/2025, tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1018/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc: Kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-DS ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2025/QĐST-DS ngày 16/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 213 đường P, T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lăng Minh C, sinh năm: 2001; Địa chỉ: 79 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị Diệu H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 99/7 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lăng Minh C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 29/01/2024, bà Đỗ Thị M cho bà Hà Thị Diệu H vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bà M đã chuyển

số tiền nêu trên đến số tài khoản 25241417 thuộc Ngân hàng T (A) đứng tên bà Hà Thị Diệu H. Đồng thời, ngày 12/4/2024 bà H có nhắn tin cho bà M với nội dung: "Chị H xác nhận ngày 29/01/2024 có vay của em Đỗ Thị M với số tiền là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn)" và hứa sẽ trả lại cho bà M khi có đủ tiền.

Tuy nhiên, cho đến nay bà H vẫn chưa trả lại tiền cho bà M mặc dù bà M đã nhắc nhiều lần nhưng bà H cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác, cố tìm mọi lý do để không trả lại tiền cho bà M. Nhiều lần sau đó, bà H cố tình tránh mặt bà M khi bà M tìm gặp và cho đến nay vẫn không trả tiền cho bà M.

Đối với số tiền nêu trên là khoản tiền của bà M, không liên quan gì đến chồng bà M ông Nguyễn Tấn N và các con của bà M và chỉ cho bà H vay nên cũng không liên quan gì tới chồng và các con của bà H. Đây là khoản vay cá nhân giữa bà M và bà H và bà M mong muốn bà H sớm hoàn trả số tiền này để giải quyết dứt điểm vấn đề.

Do đó, bà M làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Hà Thị Diệu H có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Đối với khoản tiền nêu trên bà M không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Hà Thị Diệu H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Kiện đòi tài sản, bị đơn cư trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị Diệu H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn bà H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

3.1. Về số nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xác định được: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 29/01/2024, bà Đỗ Thị M cho bà Hà Thị Diệu H vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bà M đã chuyển số tiền nêu trên đến số tài khoản 25241417 thuộc Ngân hàng T (A) đứng tên bà Hà Thị Diệu H. Ngày 12/4/2024 bà H có nhắn tin cho bà M với nội dung: "Chị H xác nhận ngày 29/01/2024 có vay của Em Đỗ Thị M với số tiền là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn)" và hứa sẽ trả lại cho bà M khi có đủ tiền.

Tuy nhiên, cho đến nay bà H vẫn chưa trả lại tiền cho bà M mặc dù bà M đã nhắc nhiều lần nhưng bà H cứ hứa hẹn nhưng không trả, do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà M số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào thông tin chuyển tiền của bà M và tin nhắn xác nhận nợ của bà H thì có đủ cơ sở xác định bà H có vay bà M số tiền 400.000.000 đồng, tuy nhiên đến hạn trả nhưng bà H không trả nên bà M khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà M số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

3.2. Về tiền lãi suất: Nguyên đơn bà M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà M được chấp nhận nên bị đơn bà Hà Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị M số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0012405 ngày 20/11/2024 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 220, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều

463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị M.

2. Buộc bà Hà Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị M số tiền là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị Diệu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị đơn bà Hà Thị Diệu H phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị M số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0012405 ngày 20/11/2024 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật THADS; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh